

UBND TỈNH NINH THUẬN  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 124/QĐ-STP

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020**  
**của Sở Tư pháp**

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể, các hội đặc thù và đơn vị cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra kiêm Chánh Văn phòng Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**


**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Sở Tư pháp (theo phụ biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Thanh tra kiêm Chánh Văn phòng và Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Sở Tài chính;
- Niêm yết công khai;
- Lưu: VT, KT, TTr.

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Đào Trọng Định**



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

Đơn vị: Văn phòng Sở

Mã số: 1063171

Mã KBNN nơi giao dịch: 2211

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STP ngày 31 tháng 12 năm 2019 của  
Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận)

STT	Nội dung	Cơ quan Sở
A	B	C
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Phí Hộ tịch	5.000.000
<b>1.2</b>	<b>Phí</b>	<b>300.000.000</b>
	Lý lịch tư pháp	300.000.000
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>4.500.000</b>
	Chi quản lý hành chính	<b>9.000.000</b>
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.500.000
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Hộ tịch 10%	500.000
<b>3.2</b>	<b>Phí</b>	<b>301.000.000</b>
	Lý lịch tư pháp 100%	300.000.000
	Phí Hộ tịch	1.000.000
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước (I)</b>	<b>6.539.090.000</b>
	Chi quản lý hành chính	<b>6.539.090.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>3.701.520.000</b>
	Lương, phụ cấp theo ngạch bậc và các khoản đóng góp năm 2019	3.070.520.000



STT	Nội dung	Cơ quan Sở
A	B	C
	Tiền công theo Nghị định 68	135.000.000
	Định mức khoán biên chế 16.000.000đ x 31 người	496.000.000
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>2.738.180.000</b>
1.2.1	- Chi đặc thù	2.680.000.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn ngành: Công tác theo dự các Hội nghị của Bộ Tư pháp và các Bộ có liên quan ( Có Giấy mời) Hội nghị tuyên truyền luật cho các đối tượng theo yêu cầu của Luật và các Văn bản theo luật Văn phòng phẩm ( Mực máy photo, máy in của các phòng nghiệp vụ ...) Sửa máy Photo , vi tính của các phòng nghiệp vụ, Thuê bao đường truyền Internet, Cước phí công văn phục vụ công tác nghiệp vụ Sách, báo, tài liệu cho công tác nghiệp vụ ...	375.000.000
	Nghiệp vụ chuyên môn từng lĩnh vực của ngành: Quyết định số 03/2013 QĐ-UBND ngày 21/01/2013; Quyết định số 69/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 ngày 18/8/2017; Thông tư Liên tịch số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính Trợ giúp pháp lý 10 vụ x 32.000.000đ/vụ Biểu mẫu phục vụ lĩnh vực Hộ tịch cho toàn tỉnh	795.000.000
	Hoạt động Hội đồng PBGDPL của tỉnh + Thường dot xuất cho các đơn vị của Hội đồng PBGDPL tỉnh Ninh Thuận: 22.209.000đ - Cá nhân : 15 cá nhân 6.705.000đ - Tập thể : 12 tập thể 14.304.000đ - Khung và in Giấy khen : 1.200.000đ Xây dựng, Soạn thảo văn bản , viết báo cáo CT kế hoạch hoạt động của Hội đồng tỉnh : 30.000.000đ Tập huấn nghiệp vụ : 250.000.000đ Tọa đàm Ngày Pháp Luật và tuyên truyền PBGDPL tại các trường: 25.000.000đ Phối hợp Đài PTTH , Báo Ninh Thuận : 100.000.000đ Hai Hội thi tìm hiểu PL ... : 120.000.000đ Chuẩn tiếp cận Pháp luật : 42,791.000.000đ Giấy mực photo, vi tính và Văn phòng phẩm phục vụ Hội đồng PBGDPL : 40.000.000đ	530.000.000
	- Kinh phí phòng cháy chữa cháy ( Phương tiện, trang phục, chế độ chính sách	20.000.000
	- Kinh phí sửa chữa Nhà làm việc Trung tâm Trợ giúp pháp lý	950.000.000
	- Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy năm 2019	10.000.000
1.2.2	- Kinh phí đảng	58.180.000
1.2.3	Tăng lương định kỳ của Văn phòng Sở năm 2020 dự kiến	99.390.000
<b>1.3</b>	<b>- Nguồn TK 10% chi thường xuyên còn lại (từ năm 2019 trở về trước)</b>	<b>200.780.000</b>
<b>1.4</b>	<b>- Nguồn thu để thực hiện CCTL của đơn vị còn lại (từ 2019 trở về trước)</b>	<b>220.000.000</b>



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

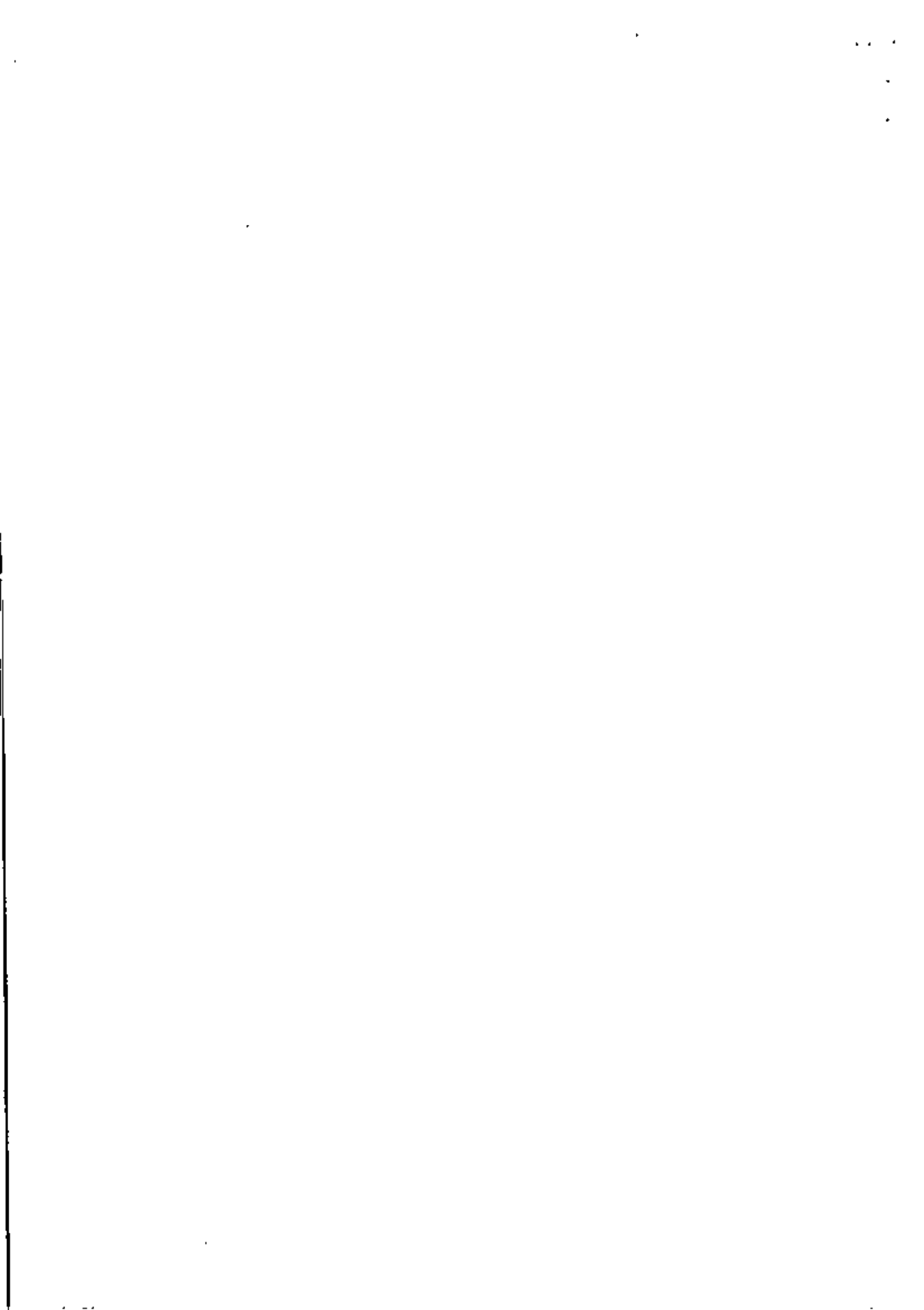
Đơn vị: Văn phòng Sở

Mã số: 1063171

Mã KBNN nơi giao dịch: 2211

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STP ngày 31 tháng 12 năm 2019 của  
 Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận)

STT	Nội dung	Cơ quan Sở
A	B	C
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Phí Hộ tịch	5.000.000
<b>1.2</b>	<b>Phí</b>	<b>300.000.000</b>
	Lý lịch tư pháp	300.000.000
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>4.500.000</b>
	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>9.000.000</b>
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>4.500.000</i>
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Hộ tịch 10%	500.000
<b>3.2</b>	<b>Phí</b>	<b>301.000.000</b>
	Lý lịch tư pháp 100%	300.000.000
	Phí Hộ tịch	1.000.000
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)</b>	<b>6.539.090.000</b>
	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>6.539.090.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>3.701.520.000</b>
	Lương, phụ cấp theo ngạch bậc và các khoản đóng góp năm 2019	3.070.520.000





STT	Nội dung	Cơ quan Sở
A	B	C
	Tiền công theo Nghị định 68	135.000.000
	Định mức khoán biên chế 16.000.000đ x 31 người	496.000.000
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>2.738.180.000</b>
1.2.1	- Chi đặc thù	2.680.000.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn ngành: Công tác theo dự các Hội nghị của Bộ Tư pháp và các Bộ có liên quan ( Có Giấy mời) Hội nghị tuyên truyền luật cho các đối tượng theo yêu cầu của Luật và các Văn bản theo luật Văn phòng phẩm ( Mực máy photo, máy in của các phòng nghiệp vụ ...) Sửa máy Photo , vi tính của các phòng nghiệp vụ, Thuê bao đường truyền Internet, Cước phí công văn phục vụ công tác nghiệp vụ Sách, báo, tài liệu cho công tác nghiệp vụ ...	375.000.000
	Nghiệp vụ chuyên môn từng lĩnh vực của ngành: Quyết định số 03/2013 QĐ-UBND ngày 21/01/2013; Quyết định số 69/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 ngày 18/8/2017; Thông tư Liên tịch số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính Trợ giúp pháp lý 10 vụ x 32.000.000đ/vụ Biểu mẫu phục vụ lĩnh vực Hộ tịch cho toàn tỉnh	795.000.000
	Hoạt động Hội đồng PBGDPL của tỉnh + Thưởng đột xuất cho các đơn vị của Hội đồng PBGDPL tỉnh Ninh Thuận: 22.209.000đ - Cá nhân : 15 cá nhân 6.705.000đ - Tập thể : 12 tập thể 14.304.000đ - Khung và in Giấy khen : 1.200.000đ Xây dựng, Soạn thảo văn bản , viết báo cáo CT kế hoạch hoạt động của Hội đồng tỉnh : 30.000.000đ Tập huấn nghiệp vụ : 250.000.000đ Tọa đàm Ngày Pháp Luật và tuyên truyền PBGDPL tại các trường: 25.000.000đ Phối hợp Đài PTTH , Báo Ninh Thuận : 100.000.000đ Hai Hội thi tìm hiểu PL ... : 120.000.000đ Chuẩn tiếp cận Pháp luật : 42,791.000.000đ Giấy mực photo, vi tính và Văn phòng phẩm phục vụ Hội đồng PBGDPL : 40.000.000đ	530.000.000
	- Kinh phí phòng cháy chữa cháy ( Phương tiện, trang phục, chế độ chính sách	20.000.000
	- Kinh phí sửa chữa Nhà làm việc Trung tâm Trợ giúp pháp lý	950.000.000
	- Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy năm 2019	10.000.000
1.2.2	- Kinh phí đăng	58.180.000
1.2.3	Tăng lương định kỳ của Văn phòng Sở năm 2020 dự kiến	99.390.000
<b>1.3</b>	<b>- Nguồn TK 10% chi thường xuyên còn lại (từ năm 2019 trở về trước)</b>	<b>200.780.000</b>
<b>1.4</b>	<b>- Nguồn thu để thực hiện CCTL của đơn vị còn lại (từ 2019 trở về trước)</b>	<b>220.000.000</b>

